**NGHIÊN CỨU THÔNG TƯ 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | QĐ 01/2003 sửa đổi 2004 | Thông tư 16/2022 | Ghi chú |
| Số tiêu chuẩn | 5 tiêu chuẩn gồm:  - Về sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa, SGK.  - Về cơ sở vật chất.  - Về nghiệp vụ.  - Về tổ chức hoạt động.  - Về quản lí thư viện | 5 tiêu chuẩn gồm:  - Về tài nguyên thông tin.  - Về cơ sở vật chất.  - Thiết bị chuyên dùng.  - Về hoạt động thư viện.  - Về quản lí thư viên |  |
| Cơ sở vật chất | - Có diện tích tối thiểu 50m2 (cả phòng đọc và kho sách) | - Mức 1: tối thiểu 0,6m2/hs x 30 – 50% tổng số toàn trường, tổng DT không nhỏ hơn 54m2 (không tính không gia mở).  - Mức 2: Có phòng đọc cho HS tối thiểu 35 chỗ, phòng đọc cho GV tối thiểu 20 chỗ (2,4m2/chỗ). | - phòng đọc 132m2. |
| Danh hiệu | - Thư viện đạt chuẩn.  - Thư viện Tiên tiến.  - Thư viện Xuất sắc | - Thư viện đạt chuẩn mức 1.  - Thư viện đạt chuẩn mức 2. |  |
| Quy trình đánh giá | - Nhà trường tự đánh giá.  - Cơ quan quản lý trực tiếp kiểm tra, đề nghị Sở GD&ĐT thẩm định.  - Sở GD&ĐT thẩm định và ra QĐ công nhận. | - CB Thư viện nhà trường báo cáo tự đánh giá.  - Hiệu trưởng kiểm tra, phê duyệt và gửi về Phòng GD&ĐT đề nghị thẩm định, phê duyệt (hàng năm, chậm nhất sau khi kết thúc năm học 60 ngày).  - Phòng GD&ĐT thẩm định ra QĐ công nhận.  - Chu kỳ đánh giá: 5 năm |  |